

Số: 04/2023/QĐST-DS

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 15/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa đồng nguyên đơn: Ông Dương Văn B - sinh năm 1958; Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1960; Anh Dương Bảo D - sinh năm 1989; Đều trú tại: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Các đồng nguyên đơn:

1. Ông **Dương Văn B** - sinh năm 1958;

2. Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1960;

3. Anh **Dương Bảo D** - sinh năm 1989;

Đều trú tại: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Bà **La Thị T**; Trú tại: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Mã Thị T**, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Hộ ông Dương Văn B, bà Nguyễn Thị T, anh Dương Bảo D được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 294m² được giới hạn bởi các điểm 4-5-6-7-9-4 như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2023 đã xác định.

2. Bà La Thị T được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 947,0m² được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-9-7-8-1 như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2023 đã xác định.

(Có sơ đồ trích đo và các mốc tọa độ kèm theo)

3. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà La Thị T về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R849295 vào sổ số: 00466 ngày 20/12/2000 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn cấp cho hộ ông Dương Văn B (Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) và buộc ông B, bà T và anh D trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho bà T.

4. Trên phần diện tích đất 294m² mà ông B, bà T, anh D được quản lý sử dụng có 01 khóm tre sát đường 279 và một số cây chuối do bà La Thị T trồng thì các bên thống nhất kể từ khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án thì trong vòng 03 tháng bà T phải thực hiện chặt, di rời khóm tre và các cây chuối trên phần đất được giao cho ông B, bà T, anh D. Nếu bà T không di rời số cây trên thì hộ ông B, bà T và anh D có quyền chặt bỏ để sử dụng đất.

5. Hai bên đương sự có trách nhiệm sẽ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Hai bên đương sự nhất trí mỗi bên chịu một nửa chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, cụ thể:

Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 6.313.000đ *(Sáu triệu ba trăm mười ba nghìn đồng)*

- Đồng nguyên đơn ông Dương Văn B, bà Nguyễn Thị T, anh Dương Bảo D tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.156.500đ *(Ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng)*. Xác nhận ông B, bà T, anh D đã nộp đủ.

- Bị đơn bà La Thị T tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.156.500đ *(Ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng)*. Xác nhận bà T đã nộp đủ.

7. Về án phí:

- Đồng nguyên đơn ông Dương Văn B, bà Nguyễn Thị T, anh Dương Bảo D tự nguyện chịu số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ông B, bà T và anh D được trả lại số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Xác nhận ông B, bà T và anh D đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001124 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn bà La Thị T được trả lại số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001127 ngày 08/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đàm Thị Minh Hương